



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT – MAY NHA TRANG

**Địa CHỈ : KM 1447 QL1A – X. VĨNH PHƯƠNG
– TP. NHA TRANG – T. KHÁNH HÒA**

ĐT : 058.3727241 – Email : ktcc@detnhatrang.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 2 NĂM 2014

Nha Trang, ngày 12 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2014**

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	30 THÁNG 06 NĂM 2014	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN(100)=110+120+130+140+150	100		486,497,461,945	325,038,913,650
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,184,336,726	3,239,218,629
1. Tiền	111	V.01	3,184,336,726	3,239,218,629
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	16,643,560,000	23,787,920,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20,245,333,720	28,986,237,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		(3,601,773,720)	(5,198,317,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		257,286,760,045	92,769,588,496
1. Phải thu khách hàng	131		254,405,295,484	88,990,949,033
2. Trả trước cho người bán	132		3,005,450,915	2,558,703,626
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	2,063,306,983	3,407,229,174
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(2,187,293,337)	(2,187,293,337)
IV. Hàng tồn kho	140		205,594,034,857	204,448,978,306
1. Hàng tồn kho	141	V.04	205,594,034,857	204,448,978,306
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,788,770,317	793,208,219
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,331,743,317	775,408,219
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		457,027,000	17,800,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	30 THÁNG 06 NĂM 2014	SỐ ĐẦU NĂM
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		260,590,863,053	492,955,497,554
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		106,901,381,787	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	106,901,381,787	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		143,224,798,840	480,789,684,675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	135,687,437,908	472,169,692,817
- Nguyên giá	222		557,917,962,359	916,567,423,827
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(422,230,524,451)	(444,397,731,010)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	5,333,978,607	
- Nguyên giá	225		5,542,560,188	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(208,581,581)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2,203,382,325	8,619,991,858
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5,528,915,000	5,528,915,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		4,362,000,000	4,362,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1,166,915,000	1,166,915,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		4,935,767,426	6,636,897,879
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	4,672,548,640	6,602,410,389
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	86,218,786	34,487,490
3. Tài sản dài hạn khác	268		177,000,000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		747,088,324,998	817,994,411,204

CC
E
NI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

<u>NGUỒN VỐN</u>	MÃ SỐ	Thuyết minh	30 THÁNG 06 NĂM 2014	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		531,840,628,022	582,722,212,257
I. Nợ ngắn hạn	310		523,949,934,672	389,861,961,648
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	340,132,232,715	272,372,882,213
2. Phải trả người bán	312		113,975,937,933	74,179,602,896
3. Người mua trả tiền trước	313		134,676,338	21,551,120
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	37,491,975,343	1,983,259,100
5. Phải trả người lao động	315		24,594,888,049	34,601,855,281
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2,585,827,321	925,344,083
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2,499,052,611	4,352,025,318
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,535,344,362	1,425,441,637
II. Nợ dài hạn	330		7,890,693,350	192,860,250,609
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	7,890,693,350	192,860,250,609
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400		215,247,696,976	235,272,198,947
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	215,247,696,976	235,272,198,947
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185,000,000,000	185,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(11,015,000,000)	(11,015,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21,974,036,900	11,974,036,900
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		41,626,759	41,626,759
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19,247,033,317	49,271,535,288
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	440		747,088,324,998	817,994,411,204

11
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	MÃ Thuyết SỐ minh	30 THÁNG 06 NĂM 2014	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	V 24	319,602,531,000	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		260,102,847	260,102,847
5. Ngoại tệ các loại:			
<i>USD</i>		13,531.17	101,959.24
<i>EUR</i>		2.86	2.86
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Nha Trang, Ngày 12 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Hồ Đăng Như Duyên

Tổng giám đốc

Võ Đình Hùng

11/07/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 2/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2014		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	366,218,592,626	342,023,454,226	648,595,591,617	627,964,697,925
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	366,218,592,626	342,023,454,226	648,595,591,617	627,964,697,925
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	336,825,803,322	296,146,572,359	600,583,751,967	548,847,541,849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29,392,789,304	45,876,881,867	48,011,839,650	79,117,156,076
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,088,103,646	1,022,538,766	5,219,877,298	1,794,183,273
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11,383,230,410	17,373,064,880	18,434,201,300	29,879,915,297
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9,717,095,131	14,163,845,437	17,143,149,345	26,660,430,990
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2,486,522,808	2,417,897,153	4,349,617,604	3,831,853,432
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,075,109,616	12,518,712,552	16,910,344,475	21,957,669,851
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,536,030,116	14,589,746,048	13,537,553,569	25,241,900,769
11. Thu nhập khác	31	VI.7	319,602,537,113	143,713,512	319,602,629,734	383,713,869
12. Chi phí khác	32	VI.8	319,536,453,562	10,403,565	319,536,503,072	313,414,054
13. Lợi nhuận khác	40		66,083,551	133,309,947	66,126,662	70,299,815
14. Tổng lợi nhuận kế toán	50		10,602,113,667	14,723,055,995	13,603,680,231	25,312,200,584
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	1,865,070,916	3,659,520,475	2,491,259,773	6,166,841,345
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(25,865,654)	-	(51,731,296)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,762,908,405	11,063,535,520	11,164,151,754	19,145,359,239

Người lập biểu

ngauil

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

naul

Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 12 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ 2 NĂM 2014

CHỈ TIÊU	MÃ Thuyết SỐ minh	QUÝ 2 NĂM 2014	QUÝ 2 NĂM 2013	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ BÁO CÁO	
				NĂM 2014	NĂM 2013
<u>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u>					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	535,102,504,840	295,349,589,015	758,213,990,924	577,536,035,108
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(303,682,202,689)	(293,352,660,596)	(497,500,291,762)	(548,380,536,033)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(28,780,756,026)	(25,414,378,817)	(59,321,833,057)	(55,239,407,029)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(8,972,734,940)	(13,689,416,731)	(16,398,789,154)	(26,186,002,284)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(626,188,857)	-	(2,024,864,383)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10,703,265,467	29,102,210,984	17,142,633,007	55,394,367,855
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(42,163,152,530)	(12,784,560,382)	(67,253,792,194)	(57,975,694,386)
<u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u>	20	161,580,735,265	(20,789,216,527)	132,857,053,381	(54,851,236,769)
<u>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15,724,000)	(215,616,818)	(15,724,000)	(509,957,568)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	-	-
5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10,300,000	559,861,111	10,300,000	559,861,111
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,425,123,400	26,880,000	4,425,123,400	26,880,000
<u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u>	30	4,419,699,400	371,124,293	4,419,699,400	76,783,543

P
Y
IG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vinh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

CHỈ TIÊU	MÃ Thuyết SỐ t minh	QUÝ 2 NĂM 2014	QUÝ 2 NĂM 2013	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ BÁO CÁO	
				NĂM 2014	NĂM 2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	277,306,912,347	275,399,045,923	459,150,581,332	515,147,806,089
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(450,024,906,220)	(258,638,748,955)	(595,401,216,016)	(453,773,211,127)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(254,000,000)	(1,081,000,000)	(254,000,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40	(172,717,993,873)	16,506,296,968	(137,331,634,684)	61,120,594,962
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ (50=20+30+40)	50	(6,717,559,208)	(3,911,795,266)	(54,881,903)	6,346,141,736
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9,901,895,934	12,897,992,295	3,239,218,629	2,640,055,293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 VII.34	3,184,336,726	8,986,197,029	3,184,336,726	8,986,197,029

Nha Trang, ngày 12 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Hồ Đặng Như Duyên

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2014

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**1. Giấy phép hoạt động**

Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	3703000219	27/09/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4200237973	22/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	4200237973	11/06/2014

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 đồng và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giày dép; Sản xuất máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông, xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là: 3.278 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.124 người).

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 22 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty**► Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Số 54 Tôn Thất Tùng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

► Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Số 378 Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Hiện Chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

► Cửa hàng Centex

Địa chỉ: Số 12 Nguyễn Gia Thiều, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Công ty con**► Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI")**

Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn Gia Thiều, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Thông tin chi tiết của KPI được trình bày tại thuyết minh IV.14.

2. Sự kiện quan trọng trong kỳ

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 94/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 5 năm 2014, Công ty đã thực hiện việc chuyển các tài sản thế chấp cho ngân hàng liên quan đến các khoản vay trung và dài hạn về Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú ("Công ty mẹ") dưới hình thức hợp đồng chuyển nhượng để cơ cấu lại các khoản nợ, đồng thời thuê lại toàn bộ tài sản chuyển nhượng này để tổ chức sản xuất kinh doanh. Các tài sản được chuyển nhượng và thuê lại có giá trị ghi sổ 319,6 tỷ đồng, bao gồm: Dây chuyền kéo sợi 4 vạn cọc, Dây chuyền kéo sợi Đông Nam và Thiết bị chuyển đổi cơ cấu mặt hàng thuộc Nhà máy sợi 3; Máy dệt kim thuộc Nhà máy Dệt Nhuộm; và Dây chuyền kéo sợi Đông Nam thuộc Nhà máy sợi 1 và sợi 2. Sự kiện này không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Xuân Trinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2013
Ông Lê Ngọc Hoan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2013
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2013
Ông Trần Ngọc Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2013
Bà Nguyễn Thị Liên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/07/2013

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKT") có liên quan do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn CMKT (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn CMKT (Đợt 5).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 20 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

5. Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc thiết bị và được khấu hao trong thời gian 15 năm.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

ĐI
NH

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn chi phí đi vay được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

10. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

11. Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá ngân hàng thương mại tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: Cổ phiếu do Công ty phát hành được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá (bao gồm tiền mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua) và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán hoặc hủy cổ phiếu của mình.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, chi phí phải trả, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

	30/06/2014	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	77,420,366	139,655,709
- Tiền gửi ngân hàng	3,106,916,360	3,099,562,920
cộng	3,184,336,726	3,239,218,629
2. Các khoản đầu tư ngắn hạn khác:		
- Đầu tư ngắn hạn khác	20,245,333,720	28,986,237,000
Tổng Công Ty cổ phần Phong Phú		5,516,920,000
Ngân hàng TMCP xnk Việt nam Eximbank (503.300 CP)	10,245,333,720	13,469,317,000
Công ty ĐT & PT nhà Nha Trang (1.000.000 CP)	10,000,000,000	10,000,000,000
cộng	20,245,333,720	28,986,237,000
3. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn khác:		
- Đầu tư ngắn hạn khác	3,601,773,720	5,198,317,000
Ngân hàng TMCP XNK Việt nam Eximbank	3,601,773,720	5,198,317,000
cộng	3,601,773,720	5,198,317,000
4. Phải thu khách hàng		
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	200,159,685,223	52,517,934,048
- Công ty Cổ phần Dệt Gia Dụng Phong Phú	-	5,127,177,171
- Công ty TNHH MTV sợi chỉ may Phong Phú	-	1,569,813,334
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	864,902,256	864,902,256
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	1,327,935,408	1,730,792,668
- Công ty TNHH TM DV SX Song Hoàng	-	4,116,304,217
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Minh Trang	-	1,181,861,803
- Sanmar Corporation	47,266,744,161	14,330,305,217
- Orchid Apparel LLC	2,189,761,410	2,938,991,895
- Các khách hàng khác	2,596,267,026	4,612,866,424
cộng	254,405,295,484	88,990,949,033
5. Trả trước cho nhà cung cấp		
Bentex Trading	453,495,504	211,596,646
Schlafhorst Zweigniederlassung Der Saurer Germany Gmbh	647,143,989	-
Monarch Industrial Corp	208,280,070	69,535,565
Cty TNHH TM - DV Quảng Cáo Xây Dựng Kim Long	6,000,000	6,000,000
Các nhà cung cấp khác	1,690,531,352	2,483,168,061
cộng	3,005,450,915	2,558,703,626

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

	30/06/2014	Số đầu năm
6. Các khoản phải thu khác		
- Thu hỗ trợ, trợ cấp thôi việc theo NĐ187		
- Thu tiền chuyển nhượng cổ phần Lê Trung Hải	220,000,000	220,000,000
- Thuế GTGT được khấu trừ chưa kê khai	1,308,211,983	
- Nộp trước tiền bảo hiểm xã hội tháng 12/2013		3,113,561,014
- Thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê tài chính	535,095,000	
- Phải thu khác		73,668,160
cộng	2,063,306,983	3,407,229,174
6. Các khoản phải thu dài hạn khác		
- Tiền ứng trước thuê tài sản - Tổng công ty CP Phong Phú	106,901,381,787	
cộng	106,901,381,787	
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		
Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	787,538,760	787,538,760
Chi nhánh công ty bông miền Bắc tại Hà Nội	30,000,000	30,000,000
Công ty CP Vật tư xnk Tân Bình	35,875,532	35,875,532
Công ty cổ phần VINATEX Đà Nẵng	39,314,957	39,314,957
Công ty TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt	209,661,832	209,661,832
Công ty cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	864,902,256	864,902,256
Ông Lê Trung Hải	220,000,000	220,000,000
cộng	2,187,293,337	2,187,293,337
8. Hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi trên đường	4,381,816,412	736,681,606
- Nguyên liệu , vật liệu	65,002,130,702	66,670,638,642
- Công cụ dụng cụ	13,572,950	4,661,284
- Chi phí SXKD dở dang	58,122,830,821	55,631,110,705
- Thành phẩm	76,290,215,773	80,102,837,946
- Hàng hoá	1,783,468,200	1,303,048,123
cộng	205,594,034,857	204,448,978,306
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1,461,223,047	141,563,784
- Chi phí sửa chữa	1,200,810,755	632,228,880
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	669,709,515	1,615,555
cộng	3,331,743,317	775,408,219

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

	30/06/2014	Số đầu năm
11. Tài sản ngắn hạn khác		
- Tạm ứng cho CBCNV	457,027,000	17,800,000
Cộng	457,027,000	17,800,000
13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Tổng số chi phí XD CB dở dang	1,159,991,769	6,287,674,983
Trong đó : Những công trình lớn		
+ Dự án bổ sung thiết bị kéo sợi (Đông Nam)	793,012,288	683,747,522
+ Dự án chuyển đổi cơ cấu mặt hàng NMSợi 3	70,167,273	70,167,273
+ Dự án đầu tư thay thế, nâng cấp MMTB - NM Nhuộm	60,530,000	5,533,760,188
+ Phương án di chuyển xưởng cơ khí	137,448,628	
+ Dự án đầu tư 6 máy dệt kim tròn	98,833,580	
- Sửa chữa lớn TSCĐ	1,043,390,556	2,332,316,875
Trong đó, PA nâng cấp máy chải thô (NMS2)	48,606,000	1,081,162,980
PA sửa chữa guồng trong máy nhuộm	216,861,000	
PA cải tạo máy chải (NMS1)		292,846,469
PA cải tạo máy ống Shalafhorst (NMS2)	777,923,556	213,501,971
PA sửa chữa lò hơi (X. nhuộm)		549,000,000
Chương trình quy hoạch xưởng nhuộm		193,805,455
Chương trình xây lắp tường, khung nước (NM may 3)		2,000,000
cộng	2,203,382,325	8,619,991,858
14. Đầu tư vào công ty con		
- Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú	4,362,000,000	4,362,000,000
	4,362,000,000	4,362,000,000
15. Đầu tư dài hạn khác		
- Cổ phiếu CTCP Bông tây nguyên (2.688cp)	266,915,000	266,915,000
- Góp vốn điều lệ thành lập CTCP xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú (90.000cp)	900,000,000	900,000,000
	1,166,915,000	1,166,915,000
16. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	4,076,084,812	5,839,200,017
- Chi phí trả trước dài hạn khác	596,463,828	763,210,372
	4,672,548,640	6,602,410,389

CÔN
 DỆ
 NH
 47R

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vinh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****12 A. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
+ Số dư đầu kỳ	144,324,730,809	755,388,716,546	13,943,748,203	2,801,268,269	108,960,000	916,567,423,827
<i>trong đó, KH hết vẫn còn sử d</i>		<i>187,491,764,579</i>	<i>4,043,585,743</i>	<i>536,274,892</i>		<i>192,071,625,214</i>
+ Tăng trong kỳ	193,805,455	1,796,182,397				1,989,987,852
- Mua trong kỳ		195,485,545				195,485,545
<i>Trong đó, mua của nội bộ TCTCP P.Phú</i>						
- Đầu tư XDCB hoàn thành		1,600,696,852				1,600,696,852
- Tăng khác	193,805,455					193,805,455
+ Giảm trong kỳ	68,373,399,184	292,266,050,136				360,639,449,320
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	68,373,399,184	292,266,050,136				360,639,449,320
<i>Trong đó, bán cho nội bộ TCT</i>	<i>68,373,399,184</i>	<i>292,266,050,136</i>				<i>360,639,449,320</i>
- Giảm do đánh giá lại tài sản						
+ Số dư cuối kỳ	76,145,137,080	464,918,848,807	13,943,748,203	2,801,268,269	108,960,000	557,917,962,359
<i>trong đó, KH hết vẫn còn sử d</i>		<i>181,449,752,988</i>	<i>4,493,585,743</i>	<i>536,274,892</i>		<i>186,479,613,623</i>
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ	45,222,137,145	390,141,309,183	7,482,167,449	1,524,877,233	27,240,000	444,397,731,010
+ Tăng trong kỳ	2,178,661,260	16,124,093,849	480,519,420	154,015,470		18,937,289,999
- Khấu hao trong kỳ	2,178,661,260	16,124,093,849	480,519,420	154,015,470		18,937,289,999
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ	3,928,160,328	37,176,336,230				41,104,496,558
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	3,928,160,328	37,176,336,230				
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ	43,472,638,077	369,089,066,802	7,962,686,869	1,678,892,703	27,240,000	422,230,524,451
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	99,102,593,664	365,247,407,363	6,461,580,754	1,276,391,036	81,720,000	472,169,692,817
- Tại ngày cuối kỳ	32,672,499,003	95,829,782,005	5,981,061,334	1,122,375,566	81,720,000	135,687,437,908

B.

G

T.

AT

WG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12B. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính						
+ Số dư đầu kỳ						
+ Tăng trong kỳ		5,542,560,188				5,542,560,188
- Thuê tài chính trong kỳ		5,542,560,188				5,542,560,188
<i>Trong đó, thuê tài chính của nội bộ TCTCP P.Phú</i>						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ		5,542,560,188				5,542,560,188
<i>trong đó, KH hết vẫn còn sử d</i>						
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ						
+ Tăng trong kỳ		208,581,581				208,581,581
- Khấu hao trong kỳ		208,581,581				208,581,581
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ		208,581,581				208,581,581
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính						
- Tại ngày đầu kỳ						
- Tại ngày cuối kỳ		5,333,978,607				5,333,978,607

T
M
A
T
=

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

17 - Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2014	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn	324,715,506,170	240,034,074,213
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Nha Trang	209,702,449,724	182,186,299,893
-CN Cty Tài chính Dệt May	23,243,598,738	14,878,677,707
-Ngân hàng TMCP An Bình - KH	6,308,362,918	2,828,986,292
-Ngân hàng - TMCP quân đội -KH	40,495,650,190	21,615,732,606
-Ngân hàng - BIDV	44,965,444,600	9,940,825,121
-Ngân hàng - HSBC		6,956,218,149
-Ngân hàng - MARTIME		1,627,334,445
- Vay dài hạn đến hạn trả	15,416,726,545	32,338,808,000
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Nha Trang	766,800,000	23,850,120,000
+ Dự án 04 máy ghép -NMS3 (VCB)	766,800,000	1,011,120,000
+ Dự án 04 vụn cọc (VCB)		20,139,000,000
+ Dự án Đông Nam S3 (VCB)		2,700,000,000
-CN Cty Tài chính Dệt May		2,315,688,000
+ Dự án chuyển đổi cơ cấu mặt hàng NMS3 (TCDM)		1,108,192,000
+ Dự án 05 máy DK tròn + 15 máy DK phẳng (TCDM)		1,207,496,000
-Ngân hàng TMCP An Bình - KH	13,662,500,000	4,925,000,000
+ 03 máy ống tự động (ABB)	13,662,500,000	1,725,000,000
+ Dự án Đông Nam S1 (ABB)		3,200,000,000
-Ngân hàng - BIDV	623,948,000	1,248,000,000
+ Dự án may 4 (BIDV)	623,948,000	1,248,000,000
-Cty TNHH MTV cho thuê tài chính VCB	363,478,545	1,248,000,000
+ Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm	363,478,545	1,248,000,000
cộng	340,132,232,715	272,372,882,213

18 - Phải trả người bán	30/06/2014	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	63,901,647,100	26,339,728,627
Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú	94,789,126	
Công ty Cổ phần đầu tư Phước Long	21,153,916,047	21,458,051,227
Công ty Cổ phần Phước Lộc	3,449,194,650	2,535,526,400
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Phong Phú		4,159,921,869
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	7,287,001,055	3,801,398,371
Công ty TNHH Sao Mai Anh	1,802,984,260	1,623,282,100
Các khách hàng khác	16,286,405,695	14,261,694,302
cộng	113,975,937,933	74,179,602,896

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

	30/06/2014	Số đầu năm
19 - Khách hàng trả tiền trước		
Các khách hàng khác	134,676,338	21,551,120
cộng	134,676,338	21,551,120
20 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế GTGT	34,381,275,809	324,744,253
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,998,288,928	1,531,893,538
- Thuế thu nhập cá nhân	77,495,179	126,621,309
- Các khoản phải nộp khác - tiền thuê đất	1,034,915,427	
cộng	37,491,975,343	1,983,259,100
21 . Chi phí phải trả		
- Chi phí trích trước kiểm toán	60,000,000	36,818,812
- Trích trước tiền điện tháng 3	1,688,911,432	
- Trích trước chi phí tư vấn	90,000,000	90,000,000
- Trích trước chi phí lãi vay	744,360,191	
- Chi phí trích trước khác	2,555,698	798,525,271
cộng	2,585,827,321	925,344,083
22. Các khoản phải trả , phải nộp khác		
- Kinh phí công đoàn	390,118,833	596,775,708
- Bảo hiểm xã hội	299,132,286	
- Bảo hiểm Y tế	1,040,966,607	664,391,873
- Bảo hiểm thất nghiệp	258,445,803	95,911,002
- Các khoản phải trả , phải nộp khác	510,389,082	2,994,946,735
Trong đó :		
- Các khoản phải trả - Ban đời sống		2,397,353,405
- Các khoản phải trả - Xưởng Cơ khí	88,464,608	96,845,903
- Các khoản phải trả - Ngành cơ xa		119,855,518
- Các khoản phải trả - khác	421,924,474	380,891,909
cộng	2,499,052,611	4,352,025,318
23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số dư tại 01/01	1,425,441,637	2,112,339,374
Trích từ lợi nhuận sau thuế	2,107,653,725	2,245,638,311
Tặng khác	9,142,000	
Chi khen thưởng, phúc lợi	(1,006,893,000)	(2,932,536,048)
cộng	2,535,344,362	1,425,441,637

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

	30/06/2014	Số đầu năm
24. Các khoản vay và nợ dài hạn		
+ Vay ngân hàng	4,543,193,347	192,860,250,609
- Dự án may 4 (BIDV)	1,204,643,347	1,204,063,347
- Dự án 3 máy savio (ABB)	1,293,750,000	1,293,750,000
- Dự án Đông Nam (ABB+VCB)		26,500,000,000
- Dự án 04 máy ghép (VCB)	2,044,800,000	2,022,240,000
- Dự án 04 vụn cọc sợi (VCB)		155,848,392,907
- Dự án 05 máy Dkim tròn & 15 máy Dkim phẳng (TCDM)		2,113,129,905
- Dự án thay đổi cơ cấu mặt hàng Sợi 3 (TCDM)		3,878,674,450
+ Nợ dài hạn	3,347,500,003	
- Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm (CTTC.VCB)	3,347,500,003	
cộng	7,890,693,350	192,860,250,609
25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	30/06/2014	Số đầu năm
<u>Số dư tại 01/01</u>		
Số trích trong năm	1,453,956,651	3,277,331,941
Số chi trong năm	(1,453,956,651)	(3,277,331,941)
<u>Số dư tại 30/06</u>		
26. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2014	Số đầu năm
- Vốn góp của Tổng CTCP Phong Phú	136,143,750,000	136,143,750,000
- Vốn góp của CTCP Dệt Vải Phong Phú		2,401,080,000
- Cổ phiếu quỹ	10,000,000,000	10,000,000,000
- Vốn góp của đối tượng khác	38,856,250,000	36,455,170,000
cộng	185,000,000,000	185,000,000,000
27. Cổ phiếu	30/06/2014	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,500,000	18,500,000
Trong đó :		
+ Cổ phiếu Tổng công ty CP Phong Phú	13,614,375	13,614,375
+ Cổ phiếu CTCP Dệt Vải Phong Phú		24,108
+ Cổ phiếu Quỹ	1,000,000	1,000,000
+ Cổ phiếu của đối tượng khác	3,885,625	3,861,517
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17,500,000	17,500,000
cộng	18,500,000	18,500,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

	30/06/2014	Số đầu năm
28. Các quỹ của doanh nghiệp		
- Quỹ đầu tư phát triển	21,974,036,900	11,974,036,900
- Quỹ dự phòng tài chính	41,626,759	41,626,759
- Cổ phiếu Quỹ	(11,015,000,000)	(11,015,000,000)
cộng	11,000,663,659	1,000,663,659
29. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	9,187,462	3,674,984
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do ghi nhận chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	77,031,324	30,812,506
cộng	86,218,786	34,487,490

// 0 - 2 / 14 //

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km 1447QL1A, Xã Vĩnh Phương, TP Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****31. Các thông tin khác****31a. Đầu tư ngắn hạn khác**

	30/06/2014		Số đầu năm	
	SỐ LƯỢNG	TIỀN	SỐ LƯỢNG	TIỀN
- Đầu tư ngắn hạn khác		20,245,333,720		28,986,237,000
+ Cổ phiếu EXBank	503,300	10,245,333,720	661,680	13,469,317,000
+ Tổng Công ty CP Phong Phú	-	-	496,222	5,516,920,000
+ Cty ĐT nhà và đô thị Nha Trang	1,000,000	10,000,000,000	1,000,000	10,000,000,000
+ CTCP Đầu tư Khánh Phú		-		

31b. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2014		Số đầu năm	
	SỐ LƯỢNG	TIỀN	SỐ LƯỢNG	TIỀN
- Đầu tư dài hạn khác		1,166,915,000		1,166,915,000
+ Cổ phiếu Bông Tây Nguyên	2,688	266,915,000	2,688	266,915,000
+ Cty cổ phần XT-TM ĐT Phong Phú		900,000,000		900,000,000

31c. Đầu tư vào công ty con

+ Cty CP Đầu tư Khánh Phú		4,362,000,000		4,362,000,000
---------------------------	--	----------------------	--	----------------------

cộng**25,774,248,720****34,515,152,000****31d. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu 2014	6 tháng đầu 2013
- Đầu tư dài hạn khác	5,219,877,298	1,794,183,273
+ Lãi tiền gửi Ngân hàng , lãi tiền ký quỹ	33,077,324	66,322,272
+ Chênh lệch tỷ giá	220,566,598	704,336,070
+ Cổ tức cổ phiếu EximBank	201,320,000	418,924,000
+ Cổ tức được chia từ Bông Tây Nguyên	17,472,000	26,880,000
+ Cổ tức Công ty Đầu tư phát triển nhà Nha Trang	500,000,000	
+ Cổ tức Tổng Cty cổ phần Phong Phú	739,833,000	
+ Lãi cho vay vốn Cty CP Đầu tư Khánh Phú	10,300,000	559,861,111
+ Đánh giá trên lệch tỷ giá cuối kỳ	530,809,976	
+ Lãi bán cổ phiếu Tổng Cty cổ phần Phong Phú	2,966,498,400	
+ Lãi khác	0	17,859,820

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG
 Địa chỉ : Xã Vĩnh Phương - TP Nha Trang - Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

32. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	185,000,000,000	11,974,036,900	41,626,759	(11,015,000,000)	8,224,961,577	194,225,625,236
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lợi nhuận trong năm trước					41,188,653,724	41,188,653,724
- Tăng khác					2,332,171,285	2,332,171,285
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác					2,474,251,298	2,474,251,298
Số dư cuối năm trước	185,000,000,000	11,974,036,900	41,626,759	(11,015,000,000)	49,271,535,288	235,272,198,947
Số dư đầu năm nay	185,000,000,000	11,974,036,900	41,626,759	(11,015,000,000)	49,271,535,288	235,272,198,947
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lợi nhuận trong năm nay		10,000,000,000			11,164,151,754	21,164,151,754
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác					41,188,653,725	41,188,653,725
Số dư cuối năm nay	185,000,000,000	21,974,036,900	41,626,759	(11,015,000,000)	19,247,033,317	215,247,696,976

0.
 1.
 T
 10

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Quý 2 năm 2014	Quý 2 năm 2013	6 tháng đầu 2014	6 tháng đầu 2013
Tổng doanh thu	366,218,592,626	342,023,454,226	648,595,591,617	627,964,697,925
Các khoản giảm trừ:	-	-	-	-
Doanh thu thuần	366,218,592,626	342,023,454,226	648,595,591,617	627,964,697,925
Trong đó:				
Doanh thu bán thành phẩm	347,552,823,858	314,667,345,502	606,997,162,879	600,608,589,201
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi và dịch vụ	18,665,768,768	27,356,108,724	41,598,428,738	27,356,108,724
Giá vốn hàng bán	336,825,803,322	296,146,572,359	600,583,751,967	548,847,541,849
Giá vốn của thành phẩm	331,832,470,649	283,967,023,076	580,056,956,121	536,667,992,566
Giá vốn của hàng hóa, vật tư thu hồi và dịch vụ	4,993,332,673	12,179,549,283	20,526,795,846	12,179,549,283
Lợi nhuận gộp	29,392,789,304	45,876,881,867	48,011,839,650	79,117,156,076
Doanh thu hoạt động tài chính				
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	27,721,135	30,347,730	43,377,324	626,183,383
Lãi từ giao dịch mua bán cổ phiếu	2,966,498,400	-	2,966,498,400	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,458,625,000	445,804,000	1,458,625,000	445,804,000
Lãi do chênh lệch tỷ giá	635,259,111	561,452,424	751,376,574	704,336,070
Doanh thu tài chính khác	-	(15,065,388)	-	17,859,820
Cộng	5,088,103,646	1,022,538,766	5,219,877,298	1,794,183,273
Chi phí tài chính				
Chi phí lãi vay	9,717,095,131	14,163,600,437	17,143,149,345	26,660,430,990
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2,017,845,737	2,766,662,576	2,037,368,324	2,776,682,440
Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán	848,987,280	-	848,987,280	
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	971,200,000	-	971,200,000
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1,201,432,141)	(534,194,997)	(1,596,543,280)	(534,194,997)
Chi phí tài chính khác	734,403	5,796,864	1,239,631	5,796,864
Cộng	11,383,230,410	17,373,064,880	18,434,201,300	29,879,915,297

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Chi phí bán hàng**

Chi phí cho nhân viên	838,545,327	-	1,484,190,900	
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2,349,617	-	2,349,617	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,487,299,262	-	2,472,033,076	
Chi phí khác	158,328,602	2,417,897,153	391,044,011	3,831,853,432
Cộng	2,486,522,808	2,417,897,153	4,349,617,604	3,831,853,432

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên	4,115,877,366	6,548,772,296	7,335,819,979	11,412,862,976
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	157,490,921	203,095,874	427,104,942	232,393,572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340,856,547	496,888,061	502,286,103	821,092,908
Thuế phí và lệ phí	950,720,321	-	1,167,775,988	
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	4,510,164,461	5,269,956,321	7,477,357,463	9,491,320,395
Cộng	10,075,109,616	12,518,712,552	16,910,344,475	21,957,669,851

Thu nhập khác

Thu bán, thanh lý tài sản cố định	319,602,531,000	-	319,602,531,000	
Các khoản thu nhập khác	6,113	143,713,512	98,734	383,713,869
Cộng	319,602,537,113	143,713,512	319,602,629,734	383,713,869

Chi phí khác

Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý	319,534,952,762	-	319,534,952,762	
Thuế truy thu, phạt chậm nộp, phạt hành chính	1,500,000	-	1,549,510	
Các khoản chi phí khác	800	10,403,565	800	313,414,054
Cộng	319,536,453,562	10,403,565	319,536,503,072	313,414,054

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế

10,602,113,667	14,723,055,995	13,603,680,231	25,312,200,584
-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương

(2,756,239) - (5,512,478)

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương

(23,109,415) - (46,218,818)

Cộng**(25,865,654) - (51,731,296)****Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

			6 tháng đầu 2014	6 tháng đầu 2013
+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136,874,171,508	184,171,067,376	403,655,857,583	392,451,208,209
+ Chi phí nhân công	47,076,112,671	47,712,182,872	92,538,822,509	82,169,133,482
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	6,411,216,355	10,288,437,062	19,145,871,580	20,715,560,669
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	26,580,020,072	(7,859,241,353)	54,756,713,937	46,112,406,493
+ Chi phí khác bằng tiền	8,095,489,108	14,520,496,884	16,006,612,413	21,120,116,474
cộng	225,037,009,714	248,832,942,841	586,103,878,022	562,568,425,327

Nha Trang, ngày 12 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Hồ Đặng Như Duyên

Tổng giám đốc

Võ Đình Hùng